

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/HS-PT

Ngày: 10/01/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:

Ông Trương Minh Tuấn

Các Thẩm phán:

Ông Lê Phước Thanh

Ông Nguyễn Tấn Long

Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Minh Hoàng**- Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa: Ông **Lê Ra** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 10 tháng 01 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 45/TLPT-HS ngày 14 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo: Hồ Thị Hồng N về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Do có kháng nghị đối với bản án hình sự sơ thẩm số 09/2018/HS-ST ngày 01/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Bị cáo bị kháng nghị:

Hồ Thị Hồng N; sinh ngày 04/7/1983, tại tỉnh Quảng Ngãi; Nơi đăng ký HKTT: Tổ 16, phường N1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; Chỗ ở hiện nay: Đội 4, thôn Tr, xã B, huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Nguyên Tổ trưởng kế toán Nhà hàng khách sạn M, thuộc Công ty cổ phần D Quảng Ngãi; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hồ Văn Th và bà Phạm Thị M1; Có chồng tên là Lê Bá Khánh T, sinh năm 1983 và có ba con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. Những người tham gia tố tụng khác:

Người bào chữa cho bị cáo Hồ Thị Hồng N:

Ông Nguyễn Ngọc L, Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ngãi, là người bào chữa theo luật định cho bị cáo, có mặt.

Nguyên đơn dân sự: Công ty cổ phần D Quảng Ngãi, người đại diện theo pháp luật là ông Bùi Văn H, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; địa chỉ trụ sở: số 310 đường Q1, phường T1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự: Bà Lê Thị Thanh H1, sinh ngày 24/5/1967; chức vụ: Phó Tổng Giám đốc của Công ty cổ phần D Quảng Ngãi; Theo Giấy ủy quyền số 181/GUQ-CTCPDL ngày 28/9/2018 của Công ty cổ phần D Quảng Ngãi, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đỗ Thanh Q2, sinh năm 1957; Trú tại: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.
2. Ông Nguyễn Hữu D, sinh năm 1961; Trú tại: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.
3. Ông Nguyễn Văn N; Trú tại: Tổ 34 phường HT, quận C1, thành phố Đà Nẵng.
4. Ông Đỗ Tấn L1, sinh năm 1974; Trú tại: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.
5. Bà Trương Thị L2, sinh năm 1974; Trú tại: huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.
6. Bà Lê Thị L3, sinh năm 1988; Trú tại: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.
7. Bà Trần Thị Ngọc T2, sinh năm 1970; Trú tại: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.
8. Bà Hồ Thị H2, sinh năm 1978; Trú tại: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.
9. Ông Phan Đình N2, sinh năm 1970; Trú tại: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.
10. Ông Trương Quang N3, sinh năm 1981; thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.
11. Bà Lê Thị Diễm Q3, sinh năm 1982; Trú tại: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.
12. Bà Phan Thị Bích V, sinh năm 1971; Trú tại: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.
13. Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1990; Trú tại: huyện T6, tỉnh Quảng Ngãi.
14. Bà Trần Thị Kim T3, sinh năm 1986; Trú tại: huyện T6, tỉnh Quảng Ngãi.
15. Bà Phạm Thị N4, sinh năm 1992; Trú tại: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.
16. Bà Phan Thị D, sinh năm 1991; Trú tại: huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.
17. Ông Nguyễn Thanh Th1, sinh năm 1993; Trú tại: Quận B3, TP. Hồ Chí Minh.
18. Ông Phạm Minh Đ, sinh năm 1967; thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.
19. Bà Nguyễn Thị Mai D1, sinh năm 1971; thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

20. Bà Trương Thị Thùy T4, sinh năm 1973; Trú tại: huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.
21. Ông Phùng Thái B2, sinh năm 1978; Trú tại: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.
22. Bà Lê Thị Th1, sinh năm 1970; Trú tại: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.
23. Ông Trương Minh Kg, sinh năm 1969; Trú tại: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi .
24. Bà Trương Thị U, sinh năm 1967; Trú tại: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.
25. Bà Phạm Thị Th2, sinh năm 1966; Trú tại: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.
26. Bà Bùi Thị B3, sinh năm 1975; Trú tại: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.
27. Bà Phạm Thị H4, sinh năm 1968; Trú tại: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.
28. Ông Nguyễn Anh T5, sinh năm 1969; Trú tại: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt tại phiên tòa;
29. Bà Phạm Thị Th3, sinh năm 1971; Trú tại: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.
30. Bà Trịnh Thị C, sinh năm 1968; Trú tại: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty cổ phần D Quảng Ngãi được cổ phần hóa từ Công ty Du lịch Quảng Ngãi (Doanh nghiệp Nhà nước); được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 20/4/2006; đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 24/12/2015. Ngành nghề kinh doanh: Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày...

Vốn điều lệ: 158.139.440.000 đồng; trong đó vốn Nhà nước 4.374.560.000 đồng chiếm tỷ lệ 2.77%.

Nhà hàng Khách sạn M là đơn vị kinh doanh trực thuộc Công ty cổ phần D Quảng Ngãi, hạch toán báo sổ, được thực hiện theo quy chế tài chính áp dụng trong toàn Công ty.

Giai đoạn 2011-2015, Giám đốc, Phó Giám đốc phụ trách Nhà hàng nhiều lần thay đổi (ông Nguyễn Hữu D; ông Đỗ Thanh Q2; ông Nguyễn Văn N ông Đỗ Tấn L1); thủ quỹ Nhà hàng được Giám đốc phân công kiêm nhiệm, phân công bằng miệng (không có quyết định), theo đó bà Trương Thị L2 được phân công làm thủ quỹ từ tháng 6/2011 đến tháng 8/2015; bà Lê Thị L3 được phân công làm thủ quỹ từ 04/8/2015 đến hết tháng 6/2017.

Từ ngày 26/4/2011 đến 25/10/2015, Hồ Thị Hồng N được Tổng Giám đốc Công ty cổ phần D Quảng Ngãi ký 03 Hợp đồng lao động có thời hạn (Hợp đồng thứ nhất có thời hạn 6 tháng từ ngày 26/4/2011 - ngày 25/10/2011; Hợp đồng thứ hai có thời hạn 01 năm từ ngày 26/10/2011 - ngày 25/10/2012; Hợp đồng thứ ba có thời hạn 03 năm từ ngày 26/10/2012 — ngày 25/10/2015); kèm theo Quyết định tiếp nhận và phân công Cán bộ Công nhân viên, theo đó N được phân công làm nhân viên kế toán Nhà hàng. Ngày 20/10/2012, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần D Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 107 bổ nhiệm Hồ Thị Hồng N làm Tổ trưởng kế toán Nhà hàng với nhiệm vụ được giao là theo dõi việc thu tiền của nhân viên bán hàng, lễ tân, thu ngân; chi trả tiền cho người bán, nhập xuất hàng hóa; lập các nghiệp vụ, chứng từ kế toán tại Nhà hàng để báo cáo quyết toán với Công ty; các công việc liên quan đến kế toán, tài chính của Nhà hàng cho Công ty. Ngày 12/10/2015, Công ty ban hành Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động và Quyết định miễn nhiệm Tổ trưởng kế toán đối với N.

Tại Nhà hàng, ngoài chức năng nhiệm vụ kế toán, Hồ Thị Hồng N còn được giao làm kiêm nhiệm công việc của thủ quỹ trong những trường hợp:

- Khi tiền mặt tại quỹ vượt quá mức cho phép (quá 5.000.000 đồng) để lại Nhà hàng thì N được giao nhận tiền mặt về nộp cho Công ty và ngược lại N được phép nhận tiền mặt tạm ứng từ Công ty về nhập quỹ Nhà hàng.

- Khi thủ quỹ đi vắng (nghỉ bù) thì N chịu trách nhiệm thay thủ quỹ nhận tiền bán hàng từ nhân viên bán hàng, lễ tân, thu ngân cất giữ và khi thủ quỹ đi làm thì bàn giao tiền và chứng từ bán hàng lại cho thủ quỹ.

Quá trình công tác tại Nhà hàng, trong một thời gian dài N đã lợi dụng vào chức trách nhiệm vụ được giao, việc quản lý không chặt chẽ của lãnh đạo Nhà hàng và Công ty, N đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền bằng thủ đoạn như:

Khi thực hiện chức năng nhiệm vụ của thủ quỹ N nhận tiền mặt từ nhân viên thu ngân và lễ tân nhưng sau đó không nộp lại đủ cho thủ quỹ mà chiếm đoạt tiêu xài cá nhân. Khi nhận tiền, thủ quỹ nhận biết và thắc mắc về số tiền bị thiếu so với bảng kê bán hàng của thu ngân và lễ tân thì N đề nghị thủ quỹ ký nhận thu đúng số tiền theo bảng kê của lễ tân và thu ngân, đồng thời ghi nợ cho N số tiền thiếu (lý do là N đã dùng mua hàng, trả cho người bán và N sẽ hoàn ứng bằng chứng từ).

Khi thực hiện nhiệm vụ nhận tiền mặt từ thủ quỹ Nhà hàng để mang nộp về Công ty nhưng nộp không đủ hoặc không nộp hoặc N nhận tiền tạm ứng từ Công ty về nhập quỹ Nhà hàng nhưng không nhập quỹ Nhà hàng; trả tiền cho người bán hàng lúc Lựu không có mặt tại Nhà hàng, mà chiếm đoạt tiêu xài riêng. Và để hợp thức hóa, che giấu hành vi phạm tội của mình N lập ra các chứng từ, nghiệp vụ kế toán ghi nhận không thực phẩm, hàng hóa, chi phí (thực tế không có thực phẩm, không có hàng hóa, không có chi phí) để treo nợ cho khách hàng nhằm mục đích để lãnh đạo Nhà hàng và Công ty tin tưởng nghĩ là có nhập hàng thật; sau đó N tính toán, cân đối lại số tiền đã chiếm đoạt rồi lập các phiếu chi không, phiếu kế toán không cho đúng với số tiền N đã chiếm đoạt rồi đưa các chứng từ không đó vào

thanh quyết toán chi phí của Nhà hàng. Với những phương thức thủ đoạn này từ 01/01/2013 đến 30/9/2015 N đã chiếm đoạt của Công ty số tiền là: 2.449.629.805 đồng (Hai tỷ bốn trăm bốn mươi chín triệu sáu trăm hai mươi chín nghìn tám trăm lẻ năm đồng).

Kết quả điều tra đủ căn cứ xác định Hồ Thị Hồng N đã lập không 131 chứng từ (120 phiếu chi; 11 phiếu kế toán) để quyết toán với Công ty và đã chiếm đoạt số tiền 2.432.616.375 đồng (Hai tỷ bốn trăm ba mươi hai triệu sáu trăm mười sáu nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng). Cụ thể:

- Năm 2013: Số tiền lập không thể hiện tại 29 chứng từ (27 phiếu chi; 02 phiếu kế toán) với tổng số tiền: 845.642.373 đồng (Tám trăm bốn mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi hai nghìn ba trăm bảy mươi ba đồng).

- Năm 2014: Số tiền lập không thể hiện tại 39 chứng từ (34 phiếu chi; 05 phiếu kế toán) với tổng số tiền: 612.758.282 đồng (Sáu trăm mười hai triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn hai trăm tám mươi hai đồng).

- Năm 2015: Số tiền lập không thể hiện tại 63 chứng từ (59 phiếu chi; 04 phiếu kế toán) với tổng số tiền: 974.215.720 đồng (Chín trăm bảy mươi bốn triệu hai trăm mười lăm nghìn bảy trăm hai mươi đồng).

Còn lại số tiền 17.013.430 đồng (Mười bảy triệu không trăm mười ba nghìn bốn trăm ba mươi đồng) = (2.449.629.805 đồng - 2.432.616.375 đồng) vì số chứng từ N lập không (không hoàn toàn, không một phần) ở rất nhiều chứng từ và diễn ra trong khoảng thời gian dài. Cơ quan điều tra và các bên liên quan đã tiến hành rà soát, kiểm tra nhưng chưa phát hiện được số tiền này ở phiếu chi, phiếu kế toán nào, nên chưa đủ căn cứ để kết luận N chiếm đoạt số tiền này (BL 4729, 5464).

Trong 131 chứng từ (120 phiếu chi; 11 phiếu kế toán) mà N đã lập không và đã quyết toán với Công ty, N đã thực hiện bằng 05 cách sau:

- Lập 35 phiếu chi; 11 phiếu kế toán không chưa được in ra. Các chứng từ không này đã được N ghi nhận vào sổ chi tiết tiền mặt của Nhà hàng và đã quyết toán chi phí với Công ty số tiền: 1.103.409.097 đồng (Một tỷ một trăm lẻ ba triệu bốn trăm lẻ chín nghìn không trăm chín mươi bảy đồng), trong đó:

- + Năm 2013: N lập 17 chứng từ không (15 phiếu chi; 02 phiếu kế toán) với tổng số tiền: 612.112.973 đồng (Sáu trăm mười hai triệu một trăm mười hai nghìn chín trăm bảy mươi ba đồng).

- + Năm 2014: N lập 16 chứng từ không (11 phiếu chi; 05 phiếu kế toán) với tổng số tiền: 279.496.282 đồng (Hai trăm bảy mươi chín triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm tám mươi hai đồng).

- + Năm 2015: N lập 13 chứng từ không (09 phiếu chi; 04 phiếu kế toán) với tổng số tiền: 211.799.842 đồng (Hai trăm mười một triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn tám trăm bốn mươi hai đồng).

- Lập 41 phiếu chi không từ việc sửa lại từ các phiếu đã chi thật cho khách

hàng. Các phiếu chi sửa này đã được N ghi nhận vào sổ chi tiết tiền mặt của Nhà hàng và đã quyết toán chi phí với Công ty số tiền: 646.760.000 đồng (Sáu trăm bốn mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng), trong đó:

- + Năm 2013: N lập 03 phiếu chi không với tổng số tiền: 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

- + Năm 2014: N lập 11 phiếu chi không với tổng số tiền: 145.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng).

- + Năm 2015: N lập 27 phiếu chi không với tổng số tiền: 431.760.000 đồng (Bốn trăm ba mươi một triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng).

- Lập 19 phiếu chi không giả chữ ký của người nhận tiền và thủ quỹ. Các phiếu chi giả này đã được N ghi nhận vào sổ chi tiết tiền mặt của Nhà hàng và đã quyết toán chi phí với Công ty số tiền: 283.578.800 đồng (Hai trăm tám mươi ba triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn tám trăm đồng), trong đó:

- + Năm 2013: N lập 06 phiếu chi không với tổng số tiền: 113.213.800 đồng (Một trăm mười ba triệu hai trăm mười ba nghìn tám trăm đồng).

- + Năm 2014: N lập 01 phiếu chi không với tổng số tiền: 10.560.000 đồng (Mười triệu năm trăm sáu mươi nghìn).

- + Năm 2015: N lập 12 phiếu chi không với tổng số tiền: 159.805.000 đồng (Một trăm năm mươi chín triệu tám trăm lẻ năm nghìn đồng).

- Lập 14 phiếu chi không giả chữ ký người nhận tiền, thủ quỹ, Giám đốc Nhà hàng. Các phiếu chi giả này đã được N ghi nhận vào sổ chi tiết tiền mặt của Nhà hàng và đã quyết toán chi phí với Công ty số tiền: 217.852.000 đồng (Hai trăm mười bảy triệu tám trăm năm mươi hai nghìn đồng), trong đó:

- + Năm 2014: N lập 10 phiếu chi không với tổng số tiền: 170.452.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn đồng).

- + Năm 2015: N lập 04 phiếu chi không với tổng số tiền: 47.400.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu bốn trăm nghìn đồng).

- Lập 11 phiếu chi không người nhận tiền chưa ký tên, người duyệt chi chưa ký tên, sắp trộn lẫn với các phiếu chi thật nhằm đánh lừa người duyệt chi ký vào phiếu chi, giả chữ ký người duyệt chi, không có chứng từ gốc kèm theo, chứng từ gốc của phiếu chi này là chứng từ gốc của phiếu chi khác, phiếu chi cho người này nhưng số chi tiết tiền mặt chi cho người khác, nhờ người khác ký tên nhận tiền rồi N ghi nhận vào sổ chi tiết tiền mặt của Nhà hàng và đã quyết toán chi phí với Công ty số tiền: 181.016.478 đồng (Một trăm tám mươi một triệu không trăm mười sáu nghìn bốn trăm bảy mươi tám đồng), trong đó:

- + Năm 2013: N lập 03 phiếu chi không với tổng số tiền: 50.315.600 đồng (Năm mươi triệu ba trăm mười lăm nghìn sáu trăm đồng).

- + Năm 2014: N lập 01 phiếu chi không với tổng số tiền: 7.250.000 (Bảy triệu

hai trăm năm mươi nghìn).

+ Năm 2015: N lập 07 phiếu chi không với tổng số tiền: 123.450.878 đồng (Một trăm hai mươi ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn tám trăm bảy mươi tám đồng).

Trong 131 chứng từ (120 phiếu chi; 11 phiếu kế toán) do Hồ Thị Hồng N lập không đề hợp thức hóa cho việc chiếm đoạt 2.432.616.375 đồng của Nhà hàng Khách sạn M, có:

- 98 phiếu chi; 05 phiếu kế toán được N lập không đề hợp thức hóa cho việc lập không ghi nhận nghiệp vụ ghi nhận không hàng thực phẩm tương ứng với số tiền: 1.898.799.452 đồng (Một tỷ tám trăm chín mươi tám triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng).

- 22 phiếu chi; 06 phiếu kế toán được N lập không đề hợp thức hóa cho việc lập không ghi nhận không hàng hóa, không chi phí tương ứng với số tiền: 533.816.923 đồng (Năm trăm ba mươi ba triệu tám trăm mười sáu nghìn chín trăm hai mươi ba đồng).

Kết quả giám định 41 phiếu chi không từ việc sửa lại từ các phiếu đã chi thật cho khách hàng; lời khai tại Cơ quan điều tra của lãnh đạo Nhà hàng trong thời gian từ 01/01/2013 đến 30/9/2015 như: Đỗ Tấn L1, Nguyễn Hữu D, Đỗ Thanh Q2; thủ quỹ Nhà hàng (Trương Thị L2, Lê Thị L3) và những người có tên liên quan đến việc ký nhận tiền trong những phiếu chi không mà Hồ Thị Hồng N khai nhận tại Cơ quan điều tra phù hợp với lời khai, tài liệu, chứng cứ, thủ đoạn, mục đích phạm tội, thiệt hại do hành vi phạm tội mà N đã khai nhận tại Cơ quan điều tra; Phù hợp với tài liệu qua đối chiếu trên toàn bộ chứng từ, sổ sách kế toán do N lập quản lý, theo dõi tại Nhà hàng để quyết toán với Công ty từ 01/01/2013 đến 30/9/2015 mà Cơ quan điều tra, Công ty và Hồ Thị Hồng N đã khai nhận nhằm chiếm đoạt số tiền 2.432.616.375 đồng của Nhà hàng Khách sạn M thuộc Công ty cổ phần D Quảng Ngãi.

Tại Cơ quan điều tra, Hồ Thị Hồng N thành khẩn khai báo, tích cực cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ quá trình điều tra, ăn năn hối cải, tự nguyện khắc phục lại số tiền 1.945.841.479 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 863/CT-VKS ngày 13/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã truy tố bị cáo Hồ Thị Hồng N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

- Về phần hình phạt: Áp dụng Điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Hồ Thị Hồng N từ 07 năm đến 08 năm tù.

- Về phân trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Hồ Thị Hồng N phải chịu trách nhiệm trả lại cho Công ty cổ phần D Quảng Ngãi số tiền là 486.774.896 đồng (bốn trăm tám mươi sáu triệu bảy trăm bảy mươi bốn nghìn tám trăm chín mươi sáu đồng).

L luận cứ bào chữa của Luật sư Nguyễn Ngọc Lộc cho bị cáo Hồ Thị Hồng N: Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi truy tố bị cáo Hồ Thị Hồng N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã khắc phục một phần hậu quả bằng cách hoàn trả lại số tiền 1.945.841.479, đồng đã chiếm đoạt cho Công ty cổ phần D Quảng Ngãi; bị cáo có ông ngoại là người có công với cách mạng; Công ty cổ phần D Quảng Ngãi đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt; bị cáo phạm tội cũng có một phần lỗi của Công ty cổ phần D Quảng Ngãi phân công nhiệm vụ cho bị cáo vừa là thủ quỹ kiêm kế toán và quản lý tiền bạc lỏng lẻo, thiếu kiểm soát của Công ty; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, hiện nay đang một mình nuôi ba con nhỏ trong đó có một cháu sinh ngày 28/5/2018 đang bị bệnh tim. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự: Về phần hình phạt, cơ bản thống nhất với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, tuyên phạt bị cáo Hồ Thị Hồng N một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục để bị cáo có cơ hội chuộc lại lỗi lầm và nuôi ba con nhỏ; về phân trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo Hồ Thị Hồng N phải chịu trách nhiệm trả lại cho Công ty cổ phần D Quảng Ngãi số tiền là 486.774.896, đồng

Bị cáo Hồ Thị Hồng N nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo một mức án thấp nhất của khung hình phạt để bị cáo có cơ hội chuộc lại lỗi lầm và bị cáo có cơ hội sớm trở về nuôi ba con nhỏ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2018/HSST ngày 01/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ vào Điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Hồ Thị Hồng N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Hồ Thị Hồng N 07 (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Ngoài ra Bản án còn tuyên quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/10/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị tại Quyết định Kháng nghị số 46/QĐ-VC2 theo hướng thay đổi tội danh từ tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và áp dụng thêm tình tiết tăng nặng và tăng hình phạt tù đối với bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên kháng nghị và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 48, điểm a khoản 4 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 đề xử phạt bị cáo về tội “ Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và tăng hình phạt tù đối với bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo và bị cáo Hồ Thị Hồng N thống nhất về tội danh của bị cáo là tội “ Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; về mức hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên mức hình phạt tù đối với bị cáo hoặc giảm nhẹ cho bị cáo.

Đại diện Công ty Cổ phần Du lịch Quảng Ngãi đề nghị Tòa án phúc thẩm giảm nhẹ mức hình phạt tù đến mức thấp nhất có thể được cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề khắc phục hậu quả bị cáo đã bán toàn bộ tài sản nhà cửa để có tiền bồi thường cho Công ty, hiện nay bị cáo không còn tài sản gì; bị cáo phải nuôi ba con nhỏ lớn sinh năm 2006 và nhỏ mới sinh năm 2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng thấy: + Về tội danh đối với bị cáo: Hồ Thị Hồng N được Công ty cổ phần D Quảng Ngãi (có vốn Nhà nước chiếm 2,77%) ký Hợp đồng lao động có thời hạn, được phân công nhân viên kế toán và sau đó (ngày 20/10/2012) là Tổ trưởng kế toán Nhà hàng kiêm nhiệm thủ quỹ trong các trường hợp thủ quỹ đi vắng hoặc tiền mặt nhiều quá 5 triệu đồng. Khi thực hiện chức năng nhiệm vụ của thủ quỹ trong thời gian từ 01/01/2013 đến ngày 30/9/2015, bị cáo Hồ Thị Hồng N đã nhận tiền mặt từ nhân viên thu ngân và lễ tân nhưng sau đó không nộp lại đủ cho thủ quỹ Nhà hàng, khi nhận tiền mặt từ thủ quỹ Nhà hàng để mang nộp về Công ty nhưng N nộp không đủ hoặc không nộp hoặc nhận tiền tạm ứng của Công ty về nhập quỹ Nhà hàng nhưng không nhập quỹ mà chiếm đoạt tiêu xài cá nhân; để hợp thức hóa, che giấu hành vi phạm tội của mình Hồ Thị Hồng N lập ra các chứng từ, nghiệp vụ kế toán ghi nhận không 131 chứng từ (gồm 120 phiếu chi, 11 phiếu kế toán) cho khớp đúng với số tiền chiếm đoạt là: 2.449.629.805 đồng (Hai tỷ bốn trăm bốn mươi chín triệu, sáu trăm hai mươi chín nghìn, tám trăm lẻ năm đồng). Hành vi của bị cáo Hồ Thị Hồng N lợi dụng chức năng được giao vừa kế toán, vừa thủ quỹ(khi thủ quỹ chính đi vắng) của Nhà hàng nhận được tiền mặt từ hoạt động kinh doanh của Nhà hàng M(thuộc Công ty); sau đó dùng thủ đoạn gian dối (lập ra 131 chứng từ không) để chiếm đoạt số tiền đã nhận: 2.449.629.805, đồng đã cấu thành tội “ Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 140

BLHS năm 1999; do không xác định được cụ thể mỗi lần bị cáo chiếm đoạt là bao nhiêu tiền nên không truy cứu bị cáo về hành vi phạm tội nhiều lần, nhưng bị cáo đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội nên vi phạm quy định tại điểm c khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và kết án bị cáo N về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 139 BLHS năm 1999 là không đúng tội danh đối với bị cáo, dẫn đến áp dụng pháp luật để xử phạt bị cáo cũng không đúng. Do vậy, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về tội danh đối với bị cáo và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội ngày 20 tháng 6 năm 2017 và khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3, khoản 4 Điều 175 BLHS năm 2015 để xử phạt bị cáo về tội “ Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

+Về mức hình phạt tù đối với bị cáo: Bị cáo phạm tội một phần do thiếu kiểm tra tiền bạc và thiếu giám sát quản lý của Nhà hàng và Công ty trong thời gian dài; bị cáo đã tích cực khắc phục hậu quả bằng việc bồi thường cho Công ty cổ phần D Quảng Ngãi với số tiền:1.945.841.479,(Một tỷ, chín trăm bốn mươi lăm triệu, tám trăm bốn mươi một ngàn, bốn trăm bảy chín) đồng tương đương 4/5 tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có ba tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 và có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm c khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999; ngoài ra bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ khác như: nhân thân tốt, có ông ngoại là liệt sỹ, Công ty xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có ba con còn nhỏ. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 BLHS năm 2015 để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Xét hình phạt 07 (bảy) năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Do vậy, không cần thiết tăng hình phạt tù đối với bị cáo mà cần giữ nguyên mức hình phạt tù của bản án sơ thẩm cũng có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa.

[2] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

1. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2018/HSST ngày 01/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về phần quyết định tội danh đối với bị cáo Hồ Thị Hồng N như sau:

Tuyên bố bị cáo Hồ Thị Hồng N phạm tội “ Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt

tài sản”. Áp dụng khoản 4 Điều 175; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm c khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009. Xử phạt bị cáo Hồ Thị Hồng N: 07 (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

2. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2018/HSST ngày 01/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí hình sự và dân sự sơ thẩm, về thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Trại tạm giam CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trương Minh Tuấn